

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI****Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024****Về việc phê duyệt, bãi bỏ các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội**

(Tiếp theo Công báo số 284+285)

Phụ lục II**NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI***(Kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

43. Quy trình Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (QT-43)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương có nhu cầu cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
- Đối với phương tiện thương mại:			
	+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.	x	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện		x

	không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.		
	+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).		X
- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:			
	+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.	X	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện.		X
	+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);		X
	+ Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	- Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập	Chuyên viên	4 giờ	- Giấy phép liên

	dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	phòng Quản lý vận tải		vận giữa Việt Nam và Lào. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại; Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

[illegible]

7. Mục đích chuyển đi:

a) Công vụ: ☐

b) Cá nhân: ☐

c) Hoạt động kinh doanh: ☐

d) Mục đích khác: ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam
và Lào cho phương tiện thương mại**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số...ngày cấp ...
5. Đề nghị Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: ☐ b) Khách du lịch: ☐
c) Hành khách theo hợp đồng: ☐ d) Vận tải hàng hóa: ☐

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:Lào)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được...thông báo khai thác tuyến tại công văn số...ngày...tháng... năm...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

44. Quy trình Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (QT-44)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương có nhu cầu cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện thương mại:		
	+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.	x	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy		x

	chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.		
	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).		X
- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:			
	+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.	X	
	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;		X
	+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);		X
	+ Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).		X
- Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.			

- Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất: - Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại. - Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại.				
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ - Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	- Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, và Lào. - Mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, và Lào. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, và Lào. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, và Lào. (đã được đóng dấu)

B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại; Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

7. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: ☐

b) Cá nhân: ☐

c) Hoạt động kinh doanh: ☐

d) Mục đích khác: ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam
và Lào cho phương tiện thương mại**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số ...ngày cấp ...
5. Đề nghị Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: ☐ b) Khách du lịch: ☐
c) Hành khách theo hợp đồng: ☐ d) Vận tải hàng hóa: ☐

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:Lào)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được...thông báo khai thác tuyến tại công văn số...ngày... tháng... năm..

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

45. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (QT-45)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).	x	
	- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	- Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE
OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number).....
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):.....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày ... đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), fromuntil
8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào
(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport).

..., ngày ... tháng ... năm...

Place,.....(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

46. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (QT-46)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).	X	
	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	- Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải;	0,5giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

		Chuyên viên phòng Quản lý vận tải		
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia, - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (đã được đóng dấu)

B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA
PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE
OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number).....
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....):..... ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country).....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày..... đến ngày
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng... năm...
Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)
(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

47. Quy trình Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (QT-47)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu;	x	
	- Giấy phép liên vận Việt Nam, Lào và Campuchia;	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải; Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. - Mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực	Bộ phận một cửa	Giờ hành	Gia hạn thời gian lưu hành cho

	tuyên: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)		chính	phương tiện của Lào, Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION
PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.):..... ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):.....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,.. (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

48. Quy trình Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-48)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.	x	
	- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe		x

	ô tô hoạt động trên tuyến. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).		
	- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.	x	
	- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ : - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua đường bưu chính - Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính. -Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận Một cửa (cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, bưu chính)	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: - Hồ sơ bản cứng - Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên Bộ phận Một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	- Văn bản thông báo. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phụ trách phòng	1 giờ	- Văn bản thông báo.

B5	Trình Phó Giám đốc phụ trách phê duyệt(hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Phó Giám đốc	0,5 giờ	- Văn bản thông báo. (được ký Duyệt)
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Văn bản thông báo. (đã được đóng dấu)
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận Một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận Một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Văn bản thông báo.
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. 2. Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM,
LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
 Bến đi: Bến đến:
 Cự ly vận chuyển: km
 Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định
giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến:..... đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:..... km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: Bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lưu hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang băng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bên bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bên xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:.....(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

49. Quy trình Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-49)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.	x	
	- Văn bản thông báo khai thác tuyến.	x	

	- Ký hiệu phân biệt quốc gia.	x		
	- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác.	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ : - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua đường bưu chính - Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính. - Với hồ sơ không đúng quy	Chuyên viên Bộ phận Một cửa (cập nhật thông tin vào hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông vận tải trong	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, bưu chính)		
B3	Bàn giao hồ sơ: - Hồ sơ bản cứng - Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên Bộ phận Một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	- Văn bản thông báo. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phụ trách phòng	1 giờ	- Văn bản Thông báo.
B5	Trình Phó Giám đốc phụ trách phê duyệt(hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Phó Giám đốc	0,5 giờ	- Văn bản Thông báo. (được ký Duyệt)
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Văn bản Thông báo. (đã được đóng dấu)
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận Một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận Một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Văn bản thông báo.
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. 2. Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

**Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa
Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LAO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: *Sở Giao thông vận tải*

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: Ngày cấp:
5. Kể từ ngày/...../.....,(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký đóng dấu)

**Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam,
Lào và Campuchia**

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

Sở Giao thông vận tải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SGTVT-VT

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: ... (tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký)

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia:

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh/thành phố (nơi đi))

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh/thành phố (nơi đến)).

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Sở Giao thông vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

50. Quy trình Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-50)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.	x	

	- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoạt động trên tuyến. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).		X
	- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.	X	
	- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn . - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ: - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua đường bưu chính - Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận Một cửa (cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông vận tải trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, bưu chính)	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: - Hồ sơ bản cứng - Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên Bộ phận Một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	- Văn bản thông báo. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phụ trách phòng	1 giờ	- Văn bản thông báo.

B5	Trình Phó Giám đốc phụ trách phê duyệt(hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Phó Giám đốc	0,5 giờ	- Văn bản thông báo. (được ký Duyệt)
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Văn bản thông báo. (đã được đóng dấu)
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận Một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận Một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Văn bản thông báo.
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. 2. Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM,
LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi:..... Tỉnh/thành phố đến:
 Bến đi: Bến đến:.....
 Cự ly vận chuyển:..... km
 Hành trình chạy xe:.....
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa
Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến:..... đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang băng tên.

-
-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

51. Quy trình Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-51)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam - Lào - Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam - Lào - Campuchia. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu.	x	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://vns.w.gov.vn. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ : - Nộp hồ sơ trực tiếp - Qua đường bưu chính - Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận Một cửa (cập nhật thông tin vào hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông vận tải trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp, bưu chính)	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Bàn giao hồ sơ: - Hồ sơ bản cứng - Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	- Chuyên viên Bộ phận Một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp)
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, in kết quả. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	- Văn bản thông báo. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phụ trách phòng	1 giờ	- Văn bản Thông báo.
B5	Trình Phó Giám đốc phụ trách phê duyệt(hoặc có thể ủy quyền cho Lãnh đạo phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian)	Phó Giám đốc	0,5 giờ	- Văn bản Thông báo. (được ký Duyệt)
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5 giờ	- Văn bản Thông báo. (đã được đóng dấu)
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận Một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận Một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy trước khi trả kết quả)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Văn bản thông báo.

B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. 2. Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

**Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định
giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH
DOANH VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: *Sở Giao thông vận tải*

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: Ngày cấp:
5. Kể từ ngày / / , ... (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký đóng dấu)

**Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách
cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

Sở Giao thông vận tải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../SGTVT-VT

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO
TĂNG/ GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:.....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Cục Đường bộ Việt Nam thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:...

Sở Giao thông vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

II. HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Quy trình Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (QT-52)

1	Mục đích: Quy trình này quy định thống nhất trình tự các bước tiến hành thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh công trình nhóm A, B, C thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng - Sở Giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: Áp dụng đối các chủ đầu tư hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao chuẩn bị dự án xây dựng công trình có sử dụng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn khác trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; 2. Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; 4. Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; 5. Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; 5. Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; 6. Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng Hà Nội; 7. Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP (Tờ trình do Chủ đầu tư đề nghị)	01	
2	Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo, cụ thể	01	
a	Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;	01	
b	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);	01	
c	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	01	
d	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường); Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến	01	

	về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;		
đ	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có);	01	
e	Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);	01	
g	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;		
h	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;	01	
i	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).	01	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- <i>Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:</i> + Dự án nhóm A không quá 32 ngày; + Dự án nhóm B không quá 22 ngày; + Dự án nhóm C không quá 12 ngày; Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Qua Dịch vụ bưu chính công ích			
3.6	Phí, lệ phí			
	Cá nhân, tổ chức, các chủ đầu tư có trách nhiệm nộp phí thẩm định theo giá trị được Sở Giao thông vận tải thông báo gửi kèm thông báo thẩm định dự án.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ đề nghị Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0.5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP

B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0.5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1.5 ngày	Mẫu số 02 hoặc Mẫu số 03 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn thảo văn bản lấy ý kiến thẩm định của các đơn vị liên quan, trình lãnh đạo phòng, ký nháy lên văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1 ngày	Văn bản lấy ý kiến
B7	Trình lãnh đạo Sở ký văn bản (lấy số văn bản sau khi Lãnh đạo Sở ký, đóng dấu vào văn bản)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày	Văn bản lấy ý kiến
B8	Tổng hợp các ý kiến tham gia thẩm định của các đơn vị và tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	Nhóm A: 26 ngày Nhóm B: 16 ngày Nhóm C: 6 ngày	Thực hiện nội nghiệp
B9	Thông báo Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (bao gồm cả nội dung cần hoàn thiện nếu có).	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	01 ngày	Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP

B10	Trình lãnh đạo Sở ký văn Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết quả (lấy số văn bản sau khi Lãnh đạo Sở ký, đóng dấu vào văn bản)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1 ngày	Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP
B11	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	11h00 hoặc 16h30 hàng ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Thông báo thẩm định, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Văn bản đề nghị Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 4. Thông báo kết quả Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. (Các biểu mẫu theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)			

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm định
báo cáo nghiên cứu khả thi
ĐT XD dự án...

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của.....
trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án đầu tư).

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và
Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm
định báo cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có)
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

2. Quy trìnhThẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh (QT-53)

1	Mục đích: Quy trình này ban hành nhằm quy định thống nhất trình tự giải quyết thủ tục hành chính nâng cao hiệu suất, năng lực làm việc của công chức thuộc phòng chuyên môn, phân định rõ thời gian, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh công trình giao thông trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.
2	Phạm vi Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, chủ đầu tư dự án và các cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải khi thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với công trình giao thông đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng Hà Nội;

	- Quyết định số 3315/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
A	Văn bản pháp lý		
	- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).	X	
	- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có) kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, điều chỉnh.		X
	- Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có).		X
	- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng (theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP) của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu).	X	
	- Văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu).		X
	- Kết quả thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường).		X
	- Đối với điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp Báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).	X	
	- Các văn bản pháp lý khác liên quan.		X
B	Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư, dự toán		
	- Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt.	X	
	- Hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định.	X	

	- Hồ sơ dự toán xây dựng, dự toán xây dựng (điều chỉnh) đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng.	X	
	- Các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng (nếu có).		X
	- Báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).	X	
C	Hồ sơ năng lực của các nhà thầu		
	- Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra.		X
	- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra.		X
	- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ (chưa bao gồm hồ sơ gửi xin ý kiến phối hợp)		
3.4	Thời gian xử lý		
	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 39 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt. - Không quá 29 ngày đối với công trình cấp II và cấp III. - Không quá 19 ngày đối với công trình còn lại.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Qua Dịch vụ bưu chính công ích		
3.6	Phí, lệ phí		
	Thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài Chính (Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 và các văn bản liên quan khác).		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu /Kết quả
B1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (sau đây viết tắt là CCBPTN&TKQ) tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và xử lý như sau:	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Có văn bản hướng dẫn hoặc chuyển hồ sơ: 0,5 ngày	
	- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết hoặc hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ theo quy định, CCBPTN&TKQ hướng dẫn Chủ đầu tư. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu có văn bản trả lời hoặc hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính, CCBPTN&TKQ lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ hoặc Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ gửi Chủ đầu tư.			Mẫu số 03; Mẫu số 02 (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
	- Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ, CCBPTN&TKQ tiếp nhận hồ sơ, nhập thông tin vào phần mềm điện tử và sổ theo dõi hồ sơ. lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả kèm theo danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định và giao, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho Chủ đầu tư. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, CCBPTN&TKQ lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ và bàn giao hồ sơ, phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ cho Phòng Quản lý chất lượng ngay trong ngày. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ được chuyển theo hồ sơ.			Mẫu số 01; Mẫu số 05; Mẫu số 06 (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).

B2	Kiểm tra chất lượng hồ sơ, phân công thụ lý hồ sơ: Trưởng phòng phân công cán bộ, chuyên viên thẩm định (sau đây gọi tắt là CVTĐ) tiếp nhận kiểm tra theo quy định	- Phòng chuyên môn	01 ngày	- Mẫu số 05 (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP). - Thông báo hoàn thiện, bổ sung hồ sơ
	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ, không đúng thẩm quyền, không thuộc thẩm quyền thẩm định, CVTĐ soạn thảo văn bản trình Lãnh đạo phòng ký tắt (0,5 ngày), trình Lãnh đạo Sở ký (1 ngày) gửi văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. Chuyên viên phòng gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kèm theo hồ sơ đã nộp để trả lại cho Chủ đầu tư kèm theo văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của CCBPTN&TKQ). Kết quả thực hiện phải được các cán bộ chuyên viên ký bàn giao vào Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được nhập vào mục trả kết quả trong sổ theo dõi hồ sơ, phần mềm điện tử Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	- Phòng chuyên môn - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3,5 ngày (Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1 ngày)	- Mẫu số 04; Mẫu số 06 (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
	- Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện để giải quyết, CVTĐ soạn thảo văn bản Thông báo hoàn thiện, bổ sung hồ sơ nêu rõ lý do và các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (thông báo một lần), thực hiện thẩm tra (nếu có) trình Lãnh đạo phòng ký tắt (0,5 ngày), trình Lãnh đạo Sở ký (1 ngày) gửi văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày)	- Phòng chuyên môn - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3,5 ngày (Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1 ngày)	

	trước khi gửi lại Phòng. Chuyên viên Phòng gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để liên hệ thông báo tới Chủ đầu tư. Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ và nộp bổ sung tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trước khi chuyển lại cho phòng. CCBPTN&TKQ phối hợp với CVTĐ rà soát, kiểm tra hồ sơ nộp bổ sung của Chủ đầu tư trước khi nhận. <i>Thời gian để Chủ đầu tư hoàn thiện bổ sung hồ sơ không quá 20 ngày theo quy định khoản 2 điều 38 Nghị định 15/2021/NĐ-CP</i> <i>Thời gian thực hiện thẩm tra thiết kế dự toán trong thời gian thẩm định và không quá thời gian mục 3.4</i>			
B3	Giải quyết hồ sơ (tổ chức thẩm định)			
	1) Lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan, thực hiện thẩm tra (nếu có): Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc từ ngày Sở tiếp nhận hồ sơ (có thể thực hiện đồng thời bước hoàn thiện bổ sung hồ sơ, thực hiện thẩm tra), CVTĐ soạn thảo văn bản gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định, báo cáo Phó phòng được phân công theo dõi kiểm tra thống nhất nội dung văn bản, Trưởng phòng ký tắt (0,5 ngày), trình Lãnh đạo Sở ký (1 ngày) gửi văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. Chuyên viên Phòng bàn giao văn bản lấy ý kiến liên thông, hồ sơ cho Bộ phận tiếp	- Phòng chuyên môn - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3,5 ngày (Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1 ngày)	- Văn bản lấy ý kiến phối hợp. - Văn bản đề nghị (gửi nội bộ). - Biên bản bàn giao hồ sơ. - Văn bản đề nghị thực hiện thẩm tra

nhận và trả kết quả để gửi liên ngành và gửi văn bản cho các cá nhân và tổ chức có liên quan ngay sau khi bộ phận văn thư Sở phát hành. - Trường hợp cần lấy ý kiến của các đơn vị thuộc Sở, CVTĐ thảo văn bản được Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng ký (báo cáo Lãnh đạo Sở chỉ đạo). Chuyên viên phòng ký nhận bàn giao và cung cấp hồ sơ tài liệu liên quan đến Phòng chuyên môn gửi lấy ý kiến. <i>Thời gian có văn bản trả lời của các Sở ngành, đơn vị không quá 7 ngày làm việc. không quá 15 ngày làm việc đối với công việc phức tạp có liên quan. Thời gian tham gia ý kiến của các phòng ban thuộc sở không quá 3 ngày làm việc.</i>			
2) Thực hiện thẩm định: - CVTĐ thẩm định thiết kế, dự toán theo những nội dung quy định tại theo quy định tại khoản 2 Điều 83a của Luật số 62/2020/QH14) (bao gồm cả việc tổng hợp kết quả thẩm tra và các ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). - CVTĐ dự thảo văn bản thông báo Kết quả thẩm định theo mẫu và thông báo phí thẩm, báo cáo Lãnh đạo phòng ký tắt (0,5 ngày), Lãnh đạo Sở ký (01 ngày), văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. Trong trường hợp dự thảo văn bản cần hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Sở, CVTĐ tiếp nhận dự thảo và hoàn chỉnh văn	- Phòng chuyên môn	Thời gian thẩm định quy định tại Mục 3.4 đã bao gồm thời gian thực hiện tại B2, B3 và xin ý kiến (Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1 ngày). Chưa bao	- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở - Mẫu Thông báo nộp phí thẩm định

bản, báo cáo Lãnh đạo Phòng để trình Lãnh đạo Sở ký chính thức. - Kết quả thực hiện phải được các cán bộ chuyên viên ký bàn giao, ký Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được nhập vào mục trả kết quả trong sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		<i>gồm thời gian để Chủ đầu tư hoàn thiện bổ sung hồ sơ không quá 20 ngày</i>	
3) Tạm dừng thẩm định và dừng thẩm định: - Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày thì Sở dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu. Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 điều 38 Nghị định 15/2021/NĐ-CP. Chuyên viên phòng bàn giao văn bản tạm dừng thẩm định hoặc dừng thẩm định cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để thông báo cho chủ đầu tư. - Kết quả thực hiện phải được các cán bộ chuyên viên ký bàn giao, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được nhập vào mục trả kết quả trong sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử tại BPTN&TKQ.	- Phòng chuyên môn - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian quy định tại Mục 3.4	- Văn bản tạm dừng thẩm định - Văn bản dừng thẩm định

B4	Trả kết quả giải quyết hồ sơ - Chuyên viên phòng ghi chép, hoàn chỉnh đầy đủ nội dung Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ trong quá trình thụ lý hồ sơ. Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc từ khi Thông báo kết quả thẩm định và thông báo nộp phí được phát hành, Chuyên viên phòng ký, bàn giao Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, thông báo kết quả thẩm định và thông báo phí thẩm định cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để thực hiện việc thu phí thẩm định và trả kết quả cho Chủ đầu tư. - Đối với các hồ sơ đã quá hạn giải quyết, CVTĐ có văn bản nêu rõ lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả lần sau thông qua Phó phòng được phân công theo dõi kiểm tra, thống nhất nội dung văn bản, Trưởng phòng ký tắt, trình Lãnh đạo Sở ký để xin lỗi Chủ đầu tư. - Kết thúc quá trình giải quyết hồ sơ CCBPTN&TKQ, Chuyên viên văn thư hoàn thiện đầy đủ các nội dung thống kê, theo dõi trong Danh mục tổng hợp kết quả xử lý công việc và các nội dung khác theo nhiệm vụ được giao.	- Phòng chuyên môn - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày	- Mẫu số 04; Mẫu số 06 (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
B5	Đóng dấu bản vẽ, lưu trữ hồ sơ CVTĐ lập danh mục hồ sơ lưu trữ, Thực hiện theo quy trình đóng dấu hồ sơ, chịu trách nhiệm rà soát thể thức, thành phần hồ sơ và lưu trữ tài liệu theo quy định.	Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông		

4	BIỂU MẪU
	1. Văn bản lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có) 2. Thông báo hoàn thiện bổ sung hồ sơ (nếu có) 3. Văn bản đề nghị (gửi nội bộ Phòng chuyên môn Sở) (nếu có) 4. Văn bản đề nghị thực hiện thẩm tra (nếu có) 5. Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. 6. Thông báo phí thẩm định (nếu có) 7. Văn bản tạm dừng thẩm định (nếu có) 8. Văn bản dừng thẩm định (nếu có) 9. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

*Biểu mẫu số 1***UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v lấy ý kiến thẩm định thiết kế -
dự toán triển khai sau thiết kế cơ
sở dự án (tên dự án).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: (Tên các cơ quan, đơn vị cần lấy ý kiến)

(Ngày/tháng/năm), Sở Giao thông vận tải nhận được Tờ trình (số tờ trình) (ngày/tháng/năm) của (tên chủ đầu tư/cơ quan nộp) về việc thẩm định thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở dự án (tên dự án).

Căn cứ các Luật:.....

Căn cứ các của Chính phủ:.....

Căn cứ các văn bản liên quan khác.

Sở Giao thông vận tải xin gửi hồ sơ dự án, đề nghị Quý cơ quan xem xét, cho ý kiến về các nội dung theo chức năng quản lý và những nội dung liên quan như sau:

1..

2..

3..

...

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, cho ý kiến thẩm định bằng văn bản, gửi Sở Giao thông vận tải (Địa chỉ: 258 Võ Chí Công phường Xuân La quận Tây Hồ, Hà Nội) trước ngày...../...../năm (tính theo thời gian quy định). Trường hợp quá thời hạn trên, nếu Quý Cơ quan không có ý kiến, Giao thông vận tải sẽ thực hiện thẩm định dự án theo quy định, xem như Quý Cơ quan đã đồng ý và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình./.

Nơi nhận:

- Như trên.

-

- Lưu: ...

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Thứ tự 1, 2, 3.... Nêu tên cơ quan, đơn vị, nội dung đề nghị góp ý theo chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đó.

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v thông báo hoàn thiện bổ sung
hồ sơ thiết kế, dự toán triển khai
bước sau thiết kế cơ sở dự án
(tên dự án).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

(tên cơ quan đơn vị) nhận được hồ sơ kèm theo tờ trình số..... của Chủ đầu tư về việc trình thẩm định thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng Luật số 62/2020/QH14 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, để có cơ sở tổ chức thẩm định, đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu làm rõ, bổ sung một số nội dung sau:

- Về cơ sở pháp lý dự án. Thành phần hồ sơ.
- Phối hợp các đơn vị liên quan làm rõ khả năng đấu nối hạ tầng kỹ thuật, về nguồn vốn và khả năng bố trí vốn,
- Nội dung hồ sơ thiết kế (nêu các yêu cầu hoàn thiện), ...

....

Sau khi hoàn thiện các nội dung nêu trên, đề nghị Chủ đầu tư tổng hợp hồ sơ gửi về (tên cơ quan đơn vị) để tiếp tục thẩm định. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về

xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

Trên đây là một số ý kiến của *(tên cơ quan đơn vị)* về việc hoàn thiện bổ sung hồ sơ thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như trên.
-
- Lưu:

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)*

Biểu mẫu số 3

**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
PHÒNG QLCL CTGT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Phòng: (Phòng lấy ý kiến)

Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông nhận được hồ sơ thiết kế và dự toán công trình (*tên công trình*) theo nội dung đề nghị thẩm định của (*tên chủ đầu tư*) tại Tờ trình số (*số tờ trình*). Để có cơ sở tổ chức thẩm định, Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông xin gửi hồ sơ, đề nghị các Phòng, nghiên cứu và cho ý kiến về những nội dung của dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể là:

-.....

Ý kiến thẩm định xin gửi về Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông trước ngày (*theo số ngày quy định*) để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở Thông báo Kết quả thẩm định thiết kế theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm theo:**TRƯỞNG PHÒNG**

*Biểu mẫu số 4***UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v thực hiện thẩm tra (TKXD
triển khai sau TKCS), dự toán xây
dựng công trình (*tên công trình*).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: « *Cơ quan trình thẩm định TKXD công trình* »

(*tên cơ quan đơn vị*) nhận được hồ sơ thiết kế công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng« Tên dự án ».....kèm theo Tờ trình số ngày của « *Cơ quan trình thẩm định TKXD công trình* ». Sau khi nghiên cứu hồ sơ, để có đầy đủ cơ sở thẩm định theo quy định, (*tên cơ quan đơn vị*) đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu đầy đủ những quy định về việc thẩm định thiết kế xây dựng công trình trong đó lưu ý thực hiện một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định với một số nội dung sau:

.....

2. Tổ chức thẩm tra thiết kế công trình:

- Lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra (TKXD triển khai sau TKCS), dự toán xây dựng công trình: Chủ đầu tư lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân có chức năng tư vấn thẩm tra được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định. Trường hợp tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra chưa đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng thì phải được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng chấp thuận bằng văn bản.

- Nội dung thẩm tra: Đơn vị tư vấn thẩm tra thực hiện thẩm tra TKXD triển khai sau TKCS theo nội dung quy định tại Điều 83a của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, trong đó đơn vị tư vấn thẩm tra phải kết luận cụ thể được các nội dung như sau:

+ Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng, điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế.

+ Sự phù hợp của Thiết kế xây dựng với Thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

+ Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải kiểm tra thiết kế theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật số 62/2020/QH14.

+ Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng.

+ Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

+ Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Gửi hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cho ý kiến, thẩm định, thẩm duyệt theo quy định có pháp luật có liên quan làm cơ sở tổng hợp theo quy định khoản 24 điều 1 Luật Xây dựng số 62.

4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lựa chọn và kí kết hợp đồng tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình đồng thời theo dõi và thực hiện hợp đồng.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm đôn đốc tổ chức tư vấn thẩm tra và các cá nhân chủ trì thẩm tra liên hệ với Sở Giao thông vận tải để được hướng dẫn thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định của pháp luật. thực hiện đầy đủ các lưu ý (*tại các văn bản góp ý ở bước dự án - nếu có tồn tại*).

- Kết thúc quá trình thực hiện đơn vị tư vấn thẩm tra có trách nhiệm tổng hợp, lập Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định, lập hồ sơ điều kiện năng lực của tổ chức và các cá nhân chủ trì. Chủ đầu tư có trách nhiệm đánh giá đối với Báo cáo kết quả thẩm tra do tư vấn thực hiện, gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày/...../20... (*15 ngày đối với công trình cấp II,III/ 10 ngày đối với công trình còn lại*) để xem xét, thẩm định. Sau thời điểm nêu trên nếu chưa hoàn thành công tác thẩm tra, chủ đầu tư có trách nhiệm giải trình, gia hạn bằng văn bản gửi Sở Giao thông vận tải, trong đó nêu rõ thời gian hoàn thành, quá thời gian gia hạn Sở Giao thông vận tải sẽ tạm dừng việc thẩm định, chủ đầu tư trình thẩm định lại theo quy định.

- Trong quá trình thẩm tra, trường hợp hồ sơ thiết kế có những lỗi, sai sót dẫn đến không thể đưa ra kết luận, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định. Trong thời hạn 20 ngày nếu những lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục hoặc chủ đầu tư chưa bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo các nội dung nêu tại văn bản này, Sở Giao thông vận tải sẽ tạm dừng việc thẩm định, chủ đầu tư trình thẩm định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

Đề nghị Chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc cần liên hệ với *(tên cơ quan đơn vị)* để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên.
-
- Lưu:

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế xây dựng triển khai sau
thiết kế cơ sở

Kính gửi:.....

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Tờ trình số ngày tháng... năm ... của đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có) (tên công trình) thuộc dự án đầu tư

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp công trình:
3. Tên dự án đầu tư xây dựng:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Chủ đầu tư:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng (nếu có):
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

11. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

(Liệt kê các hồ sơ trình thẩm định)

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

Liệt kê: Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra. Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra. Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình và các nội dung khác (nếu có).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định:

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định.

5. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có).

V. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH *(áp dụng cho công trình có yêu cầu thẩm định dự toán)*

1. Nguyên tắc thẩm định:

2. Ý kiến thẩm định:

2.1 Về sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình; các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình:

2.2. Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình;

2.3. Về sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình với quy định pháp luật áp dụng cho dự án:

2.4. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố;

3. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện dự toán xây dựng (nếu có):

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu:

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Biểu mẫu số 6

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v nộp phí thẩm định thiết kế
xây dựng triển khai sau thiết kế cơ
sở công trình (tên công trình).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư/cơ quan nộp)

(Ngày/tháng/năm), Sở Giao thông vận tải nhận được Tờ trình (số tờ trình) (ngày/tháng/năm) của (tên chủ đầu tư/cơ quan nộp) về việc thẩm định thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở dự án (tên dự án).

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ các văn bản liên quan khác của Bộ tài chính;

Căn cứ Văn bản số (số thông báo kết quả thẩm định) (ngày/tháng/năm) của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình (tên dự án).

Sở Giao thông vận tải thông báo phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở với nội dung chính như sau:

- Tên dự án:

- Chủ đầu tư:

- Phí thẩm định: (diễn giải cách tính) = đồng

Làm tròn: đồng (Bằng chữ:).

- Phí thẩm định thiết kế xây dựng công trình, đề nghị Chủ đầu tư nộp vào tài khoản của Sở Giao thông vận tải Hà Nội theo hình thức chuyển khoản với các thông tin sau:

+ Nội dung chuyển khoản: nộp phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình (tên dự án).

+ Tên đơn vị thụ hưởng: Sở Giao thông vận tải Hà Nội.

+ Địa chỉ: Khu liên cơ quan, số 258 Võ Chí Công, phường Xuân La, quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

+ Mã ĐVQHNS: 1059361.

+ Tài khoản: 3511.0.1059361 Tại Kho bạc Nhà nước Thành Phố Hà Nội.

Sở Giao thông vận tải xin thông báo đề *(tên chủ đầu tư/cơ quan nộp)*, thực hiện nộp phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên.
-
- Lưu:

(SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

*Biểu mẫu số 7***UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v thông báo tạm dừng thẩm
định thiết kế, dự toán/thiết kế,
dự toán điều chỉnh.....

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: *(Tên chủ đầu tư)*

(tên cơ quan đơn vị) đang thực hiện thẩm định thiết kế dự toán triển khai sau thiết kế công trình thuộc « Tên dự án ».....kèm theo Tờ trình số ngày của « Cơ quan trình thẩm định TKXD công trình ».

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng Luật số 62/2020/QH14 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Trong quá trình thẩm định *(tên cơ quan đơn vị)* phát hiện thấy *(phương pháp tính toán, tải trọng, mô tả bản vẽ, sơ đồ...- nêu rõ nguyên nhân)* trong nội dung hồ sơ *(nêu rõ lý do)* dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Bằng văn bản này Sở Giao thông vận tải tạm dừng thẩm định dự án, đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn nghiên cứu *(nêu các yêu cầu hoàn thiện)*, gửi về Sở Giao thông vận tải để tiếp tục thẩm định. Trong thời gian không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được văn bản này nếu các sai sót nêu trên không thể khắc phục được thì Sở Giao thông vận tải dừng việc thẩm định, đề nghị Chủ đầu tư trình thẩm định lại dự án theo quy định.

Trên đây là ý kiến của *(tên cơ quan đơn vị)* về việc tạm dừng thẩm định thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở công trình thuộc « Tên dự án », đề chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên.
-
- Lưu:

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Biểu mẫu số 8

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v dừng thẩm định thiết kế triển
khai sau thiết kế cơ sở công
trình.....

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Tên Chủ đầu tư

(*tên cơ quan đơn vị*) nhận được tờ trình số.....ngày 22/01/2021 của (Chủ đầu tư) về việc thẩm định thiết kế- dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở công trình thuộc dự án. Để có cơ sở tổ chức thẩm định, ngày/...../2021 Sở Giao thông vận tải có văn bản số...../SGTVT-QLCLCTGT về việc hoàn thiện bổ sung hồ sơ thiết kế- dự toán thuộc dự án. Tuy nhiên, đến nay chủ đầu tư chưa hoàn thiện các nội dung hồ sơ/ hoặc chưa gửi hồ sơ hoàn thiện bổ sung hồ sơ về (*tên cơ quan đơn vị*) do vậy chưa có cơ sở xem xét giải quyết.

Với những nội dung tồn tại nêu trên, hồ sơ trình thẩm định thiết kế - dự toán chưa đủ cơ sở để giải quyết và trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. (*tên cơ quan đơn vị*) thông báo dừng thẩm định hồ sơ thiết kế - dự toán triển khai sau thiết kế cơ sở để Chủ đầu tư biết, khẩn trương thực hiện.

Trong quá trình hoàn thiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với (*tên cơ quan đơn vị*) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: VT, (..... 06b).

TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và
đóng dấu)

III. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương (QT-54)

1	Mục đích: Quy trình này ban hành nhằm quy định thống nhất trình tự giải quyết thủ tục hành chính nâng cao hiệu suất, năng lực làm việc của công chức thuộc phòng chuyên môn, phân định rõ thời gian, trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về việc đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
2	Phạm vi Quy trình áp dụng đối với các Chủ đầu tư xây dựng công trình có ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng và công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của Sở Giao thông vận tải; áp dụng với cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải khi thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	1. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Phụ lục VIa Nghị định 06/2021/NĐ-CP.	X		
	2. Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo Phụ lục VIb Nghị định 06/2021/NĐ-CP			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí: Không có.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian (ngày)	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ 1) Chuyển hồ sơ đề nghị Trước 15 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt hoặc trước 10 ngày đối với công trình còn lại so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng, chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.	- Chủ đầu tư		Theo mục 3.2

	2) Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (sau đây viết tắt là CCBPTN&TKQ) tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và xử lý như sau:	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày	
	- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết hoặc hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ theo quy định, CCBPTN&TKQ hướng dẫn Chủ đầu tư. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu có văn bản trả lời hoặc hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính, CCBPTN&TKQ lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ hoặc Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ gửi Chủ đầu tư.			Mẫu số 03; Mẫu số 02 (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).
	- Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ, CCBPTN&TKQ tiếp nhận hồ sơ, nhập thông tin vào phần mềm điện tử và sổ theo dõi hồ sơ; lập giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả kèm theo danh mục hồ sơ trình thẩm định theo quy định và giao, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho Chủ đầu tư. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, CCBPTN&TKQ lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, sổ theo dõi hồ sơ và bàn giao hồ sơ, phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ cho Phòng Quản lý chất lượng ngay trong ngày. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ được chuyển theo hồ sơ.			Mẫu số 01; Mẫu số 05; Mẫu số 06 (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).

B2	Xử lý hồ sơ			
	1) Phân công thụ lý hồ sơ Trưởng phòng phân công cán bộ, chuyên viên thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết	- Phòng chuyên môn	01 ngày	Mẫu số 05 (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP)
	2) Thực hiện kiểm tra - Chuyên viên được phân công giải quyết thủ tục hành chính tiến hành xem xét, tham mưu lập kế hoạch tổ chức kiểm tra. Dự thảo văn bản đề nghị phối hợp kiểm tra (nếu cần). - Tổ chức kiểm tra: Hồ sơ hoàn thành công trình và kiểm tra hiện trường theo kế hoạch (kết quả kiểm tra được lập thành biên bản). - Dự thảo Văn bản kiểm tra/Thông báo kết quả kiểm tra theo quy định, báo cáo Lãnh đạo phòng ký tắt (0,5 ngày), Lãnh đạo Sở ký (01 ngày), văn thư sở vào sổ văn bản (0,5 ngày) trước khi gửi lại Phòng. Trong trường hợp dự thảo văn bản cần hoàn chỉnh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Sở, chuyên viên tiếp nhận dự thảo và hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Lãnh đạo Phòng để trình Lãnh đạo Sở ký chính thức. - Kết quả thực hiện phải được các cán bộ chuyên viên ký bàn giao, ký Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được nhập vào mục trả kết quả trong sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	- Phòng chuyên môn	Thời gian thẩm định quy định tại Mục 3.4 đã bao gồm thời gian thực hiện tại các bước khác và xin ý kiến (Trong đó thời gian xử lý của Lãnh đạo Phòng 0,5 ngày. Lãnh đạo Sở 1 ngày)	- Mẫu số 05 (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP) - Văn bản phối hợp (nếu có). - Văn bản kiểm tra; Thông báo kết quả kiểm tra

B3	Trả kết quả giải quyết hồ sơ			
	- Chuyên viên ghi chép, hoàn chỉnh đầy đủ nội dung Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ trong quá trình thụ lý hồ sơ. Trong thời gian không quá 0,5 ngày làm việc từ khi Văn bản kiểm tra/ Thông báo kết quả kiểm tra được phát hành, chuyên viên ký, bàn giao Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, văn bản kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả kết quả cho Chủ đầu tư. - Đối với các hồ sơ đã quá hạn giải quyết, chuyên viên có văn bản nêu rõ lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả lần sau thông qua Phó phòng được phân công theo dõi kiểm tra, thống nhất nội dung văn bản, Trưởng phòng ký tắt, trình Lãnh đạo Sở ký để xin lỗi Chủ đầu tư. - Kết thúc quá trình giải quyết hồ sơ CCBPTN&TKQ, chuyên viên hoàn thiện đầy đủ các nội dung thống kê, theo dõi trong Danh mục tổng hợp kết quả xử lý công việc và các nội dung khác theo nhiệm vụ được giao.	- Phòng chuyên môn - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5 ngày	- Mẫu số 04; Mẫu số 06 (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).
4	BIỂU MẪU			
	1. Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng. 2. Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình. 3. Văn bản lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan. 4. Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng. 5. Văn bản kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng. 6. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.			

Biểu mẫu số 1

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi:(2).....

.....(1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng ..(3)... thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng:
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên của chủ đầu tư.
- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

Hạng mục công trình / Công trình:

Thuộc dự án:

Chủ đầu tư / Đại diện chủ đầu tư:

I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
1.	Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).		
2.	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.		
3.	Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.		
4.	Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).		
5.	Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.		
6.	Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.		

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
7.	Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.		
8.	Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.		
9.	Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.		
10.	Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.		

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
1.	Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.		
2.	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.		
3.	Kết quả thăm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.		
4.	Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.		
5.	Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.		

III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
1.	Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.		
2.	Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).		
3.	Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.		
4.	Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm,		

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
	hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.		
5.	Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.		
6.	Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.		
7.	Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).		
8.	Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.		
9.	Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.		
10.	Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa; b) An toàn phòng cháy, chữa cháy; c) An toàn môi trường; d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ; đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng); e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan; g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế		

STT	Danh mục hồ sơ, tài liệu	Tài liệu đã có	Ghi chú
	hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt; h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.		
11.	Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).		
12.	Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.		
13.	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.		
14.	Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (nếu có).		
15.	Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (nếu có).		
16.	Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.		

Ghi chú:

- Danh mục hồ sơ, tài liệu thực hiện theo Phụ lục số VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Đối với các mục, khoản mục cột “Tài liệu đã có” trong danh sách không được phép để trống, trường hợp không có tài liệu phải ghi “không có” hoặc “không yêu cầu”.

*Biểu mẫu số 3***UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SGTVT-QLCLCTGT
V/v: tham gia phối hợp kiểm tra
công tác nghiệm thu công trình
thuộc dự án (tên dự án).

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: (Tên các cơ quan, đơn vị cần lấy ý kiến)

(Ngày/tháng/năm), Sở Giao thông vận tải nhận được Báo cáo (số báo cáo) (ngày/tháng/năm) của (tên chủ đầu tư/cơ quan nộp) về Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc dự án (tên dự án).

Căn cứ các Luật:.....;

Căn cứ các của Chính phủ:.....;

Căn cứ các văn bản liên quan khác.

Sở Giao thông vận tải đề nghị Quý cơ quan cử cán bộ tham gia phối hợp kiểm tra và cho ý kiến bằng văn bản về hiện trạng chất lượng các hạng mục công trình và sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình theo chức năng quản lý, cụ thể:

1..

2..

...

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét, cho ý kiến thẩm định bằng văn bản, gửi Sở Giao thông vận tải (Địa chỉ: 258 Võ Chí Công phường Xuân La quận Tây Hồ, Hà Nội) trước ngày...../...../năm (tính theo thời gian quy định). Trường hợp quá thời hạn trên, nếu Quý Cơ quan không có ý kiến, Giao thông vận tải sẽ tổng hợp, thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của chủ đầu tư theo quy định, xem như Quý Cơ quan đã đồng ý và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: ...

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Thứ tự 1, 2, 3.... Nêu tên cơ quan, đơn vị, nội dung đề nghị góp ý theo chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đó.

Biểu mẫu số 4

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày.... tháng.... năm....

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi :.....(2)....

Căn cứ..... (3);*Căn cứ giấy phép xây dựng số ... (đối với trường hợp công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng);**Căn cứ vào hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh (nếu có) được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;**Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số.....; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số... (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình số.....;**Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số(nếu có);**Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).**.....(1)chấp thuận kết quả nghiệm thu(4).....của (2)đối với công trình/hạng mục công trình như sau:*

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:(5)....

b) Địa điểm xây dựng:

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

a) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

b) Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI**ĐƯỢC ỦY QUYỀN***(Ký, ghi họ chức vụ và đóng dấu pháp nhân)*

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (2) Tên của chủ đầu tư.
- (3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- (4) Nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu một phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

**UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....
V/v kiểm tra công tác nghiệm thu
đưa vào sử dụng ...(Tên công
trình/hạng mục công trình)...

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

Kính gửi: ... (Tên của chủ đầu tư) ...

Căn cứ ... (Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng) ... ;

Sau khi kiểm tra, Sở Giao thông vận tải thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình trước khi đưa vào sử dụng như sau:

1. Thông tin về công trình

- Tên công trình/hạng mục công trình.
- Địa điểm xây dựng.
- Loại và cấp công trình.
- Mô tả các thông số chính của công trình.
- Các chủ thể tham gia xây dựng.

2. Hiện trạng chất lượng của công trình xây dựng: *Nhận xét về hiện trạng chất lượng của công trình/ hạng mục công trình.*

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật: *Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình/ hạng mục công trình theo quy định.*

4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và các đơn vị liên quan.

5. Kết luận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

... (Sở Giao thông vận tải)...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
pháp nhân)

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI

*(Kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
1.	Số 04, Quy trình QT.04-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế
2.	Số 05, Quy trình QT.05-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
3.	Số 01, Quy trình QT.01-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp Cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động
4.	Số 06, Quy trình QT.06-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp mới Giấy phép lái xe
5.	Số 07, Quy trình QT.07-09.2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép lái xe

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
6.	Số 01, Quy trình QT.01-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
7.	Số 02, Quy trình QT.02-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
8.	Số 03, Quy trình QT.03-05.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
9.	Số 05, Quy trình QT.05-09.2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
10.	Số 06, Quy trình QT.06-09.2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
11.	Số 52, Quy trình QT-52 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu
12.	Số 53, Quy trình QT-53 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
13.	Số 57, Quy trình QT-57 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng
14.	Số 54, Quy trình QT-54 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
15.	Số 55, Quy trình QT-55 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
16.	Số 58, Quy trình QT-58 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
17.	Số 60, Quy trình QT-60 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
18.	Số 59, Quy trình QT-59 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến
19.	Số 56, Quy trình QT-56 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
20.	Số 15, Quy trình QT-15 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
21.	Số 16, Quy trình QT-16 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
22.	Số 17, Quy trình QT-17 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
23.	Số 18, Quy trình QT-18 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
24.	Số 21, Quy trình QT-21 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
25.	Số 22, Quy trình QT-22 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)
26.	Số 19, Quy trình QT-19 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép xe tập lái
27.	Số 20, Quy trình QT-20 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép xe tập lái
28.	Số 25, Quy trình QT-25 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
29.	Số 27, Quy trình QT-27 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo
30.	Số 26, Quy trình QT-26 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác
31.	Số 02, Quy trình QT.02-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động
32.	Số 09, Quy trình QT-09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
33.	Số 01, Quy trình QT-01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng
34.	Số 02, Quy trình QT-02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
35.	Số 03, Quy trình QT-03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
		nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
36.	Số 04, Quy trình QT-04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)
37.	Số 01, Quy trình QT-01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
38.	Số 07, Quy trình QT-07 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc
39.	Số 11, Quy trình QT-11 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
40.	Số 12, Quy trình QT-12 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
41.	Số 13, Quy trình QT-13 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
42.	Số 14, Quy trình QT.14 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào
43.	Số 10, Quy trình QT-10 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
44.	Số 08, Quy trình QT-08 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
45.	Số 09, Quy trình QT-09 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia
46.	Số 05, Quy trình QT-05 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
47.	Số 03, Quy trình QT-03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
48.	Số 02, Quy trình QT-02 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
49.	Số 04, Quy trình QT-04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Tên quy trình nội bộ
II	HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG	
1	Số 18, Quy trình QT18-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
2	Số 19, Quy trình QT19-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
III	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	
1	Số 03, Quy trình QT-03 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Giao thông vận tải trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn